

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Trụ sở: Km 9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0822144648 - Fax: 083 8963591

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Của CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Kèm theo

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 Ngõ 1295 - Đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 39745081/82 Fax: (04) 39745083

Hà Nội, tháng 08 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Trụ sở: Km 9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0822144648 - Fax: 083 8963591

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	4
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2012	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2012	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012	10 – 34

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0822144648 - Fax: 0393 693569

Báo cáo của Ban Giám đốc

đính kèm Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc
ngày 30/06/2012

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**1. Giới thiệu về Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức**

Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty cơ điện Thủ Đức Theo Quyết định số 1795/QĐ-BCN ngày 11 tháng 7 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301824508, đăng ký lần đầu ngày 02/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 03/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Theo đó:

Vốn điều lệ : 80.730.000.000 VND

(Bằng chữ: Tám mươi tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng chẵn)

Trong đó:

Cổ đông	Vốn góp (vnd)	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	45.952.220.000	56,92
Các cổ đông khác	34.777.780.000	43,08
Tổng cộng	80.730.000.000	100

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Công ty có trụ sở tại: Km 9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

❖ Ông Võ Văn Biên	Chủ tịch hội đồng quản trị
❖ Ông Lê Đình Kiệt	Thành viên
❖ Ông Nguyễn Đình Phương	Thành viên
❖ Ông Nguyễn Minh Quang	Thành viên
❖ Ông Nguyễn Kim Thanh	Thành viên

Ban Giám đốc:

❖ Ông Võ Văn Biên	Giám đốc
❖ Ông Lê Đình Kiệt	Phó Giám đốc
❖ Ông Nguyễn Tri Ân	Phó Giám đốc
❖ Ông Bùi Phước Quăng	Kế toán trưởng

2. Ngành nghề kinh doanh

- Chế tạo máy biến áp; Chế tạo phụ tùng cho các nhà máy điện, phụ kiện đường dây và trạm điện, tủ bảng điện các loại. Thí nghiệm và sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa, lắp đặt các tổ máy phát điện Diesel; Khai thác, xây dựng các công trình nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; Xây lắp các công trình điện công nghiệp, điện dân dụng đến cấp điện 220KV; Gia công cơ khí, sản xuất trụ điện thép và giá đỡ thiết bị đến 500KV; Sản xuất các loại cáp điện, dây điện từ; Kinh doanh và xuất khẩu máy biến áp, các phụ tùng, thiết bị điện và thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông; Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa; Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại TP. Hồ Chí Minh); Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho bãi; Kinh doanh bất động sản; Môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản;

Dịch vụ tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản (trừ tư vấn pháp lý).

3. Kiểm toán viên:

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA Hà Nội) là đơn vị được bổ nhiệm soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty Cổ phần cơ điện Thủ Đức.

4. Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được trình bày chi tiết từ trang 06 đến trang 34 kèm theo báo cáo này.

Tại báo cáo này Ban giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc;
- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Công ty đang sử dụng;
- Báo cáo tài chính kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012, đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 30/06/2012, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày;
- Báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2012.

Đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Giám đốc



Võ Văn Biên



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 * Fax: (84) 4 3974 5083

Email: cpahanoi@fpt.vn Website: www.cpahanoi.com

AicA

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2012

Số: *279* /CPA HANOI - BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 của Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ; BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Chúng tôi, Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công Ty Cổ phần Cơ điện Thủ Đức cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 bao gồm Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính như đã trình bày từ trang 06 đến trang 34 kèm theo. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, Chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên

Lê Văn Dò

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0231/KTV

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tĩnh

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0132/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0822144648 - Fax: 083 8963591

Báo cáo tài chính

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		284.235.138.150 ✓	318.932.513.639
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		43.846.772.410 ✓	54.238.325.113
1. Tiền	111	V.01	11.646.772.410	3.938.325.113
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.200.000.000	50.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
III. Các khoản phải thu	130	V.03	83.722.987.650 ✓	78.415.857.258
1. Phải thu khách hàng	131		75.204.226.506 ✓	76.596.627.665
2. Trả trước cho người bán	132		2.664.353.191 ✓	1.250.129.715
3. Các khoản phải thu khác	138		11.715.056.962 ✓	6.429.748.887
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(5.860.649.009) ✓	(5.860.649.009)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	123.715.993.136	152.905.309.919
1. Hàng tồn kho	141	V.04	123.715.993.136 -	152.905.309.919
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.05	32.949.384.954 ✓	33.373.021.349
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		158.216.501 ✓	236.923.673
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.037.323 ✓	2.729.161
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		40.071.362 -	40.071.362
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		32.739.059.768 -	33.093.297.153
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.692.828.331 -	42.095.094.907 -
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		31.576.285.624 -	33.965.593.765
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	30.058.636.892	32.487.698.467
- Nguyên giá	222		88.862.705.603	88.602.816.007
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(58.804.068.711)	(56.115.117.540)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	1.517.648.732	1.477.895.298
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.448.179.500 ✓	7.448.179.500
1. Đầu tư dài hạn khác	258	V.8	10.089.265.685	10.089.265.685
2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		(2.641.086.185)	(2.641.086.185)
V. Tài sản dài hạn khác	260		668.363.207	681.321.642
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	580.463.207	593.421.642
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	87.900.000	87.900.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		323.927.966.481 ✓	361.027.608.546

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		239.235.662.575	267.958.354.094
I. Nợ ngắn hạn	310		238.811.934.871	265.958.728.289
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	166.667.213.830	177.887.851.426
2. Phải trả người bán	312	V.12	41.007.677.974	52.419.080.707
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	15.579.535.142	17.904.872.720
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	612.435.558	3.989.266.956
5. Phải trả công nhân viên	315	V.15	-	1.084.652.956
6. Chi phí phải trả	316	V.16	-	1.426.350.746
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.17	10.652.868.243	7.889.326.458
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.18	2.839.001.168	2.656.325.869
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	1.453.202.956	701.000.456
II. Nợ dài hạn			423.727.704	1.999.625.805
1. Phải trả dài hạn khác	333		8.000.000	8.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	281.751.000	340.863.000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.21	133.976.704	381.730.593
4. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.22	-	1.269.032.212
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		84.692.303.906	93.069.254.452
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	84.692.303.906	93.069.254.452
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.730.000.000	80.730.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(47.531.288)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.680.795.469	1.121.039.799
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.281.508.437	11.265.745.941
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		323.927.966.481	361.027.608.546

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		71.456.694	71.456.694
5. Ngoại tệ các loại			
Dollar Mỹ (USD)		1.887,54	2.513,78
Euro (EUR)		207,86	207,81
7. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2012

Kế toán trưởng

Bùi Phước Quảng



Giám đốc

Võ Văn Biên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	152.851.288.048	164.665.677.879
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.25	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.26	152.851.288.048	164.665.677.879
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	130.588.889.721	144.757.693.927
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		22.262.398.327	19.907.983.952
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	4.150.540.516	6.262.301.338
7. Chi phí tài chính	22	VI.29	14.420.645.030	15.713.775.218
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.044.620.446	14.402.500.425
8. Chi phí bán hàng	24	VI.30	4.189.084.698	2.695.774.702
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.31	5.158.692.571	6.166.918.931
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.644.516.544	1.593.816.439
11. Thu nhập khác	31	VI.32	323.424.311	2.244.790.752
12. Chi phí khác	32	VI.33	479.806.826	1.742.722.251
13. Lợi nhuận khác	40		(156.382.515)	502.068.501
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.488.134.029	2.095.884.940
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.34	628.665.863	524.909.411
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.859.468.166	1.570.975.529
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			230	195

Kế toán trưởng

Bùi Phước Quảng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2012



Võ Văn Biên

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0822144648 - Fax: 083 8963591

Báo cáo tài chính

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chi tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	2.488.134.029	2.095.884.940
2	Điều chỉnh cho các khoản		16.733.571.617	17.126.112.854
2.1	Khấu hao Tài sản cố định	02	2.688.951.171	3.542.046.077
2.2	Các khoản dự phòng	03	-	315.331.752
2.3	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
2.4	Lãi từ hoạt động đầu tư	05	-	(1.133.765.400)
2.5	Chi phí lãi vay	06	14.044.620.446	14.402.500.425
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	19.221.705.646	19.221.997.794
3.1	Tăng các khoản phải thu	09	(1.129.043.362)	3.472.205.183
3.2	Tăng giảm hàng tồn kho	10	29.189.316.783	(2.068.640.436)
3.3	Tăng các khoản phải trả (không kể tại vay phải trả, thuế TNDN phải trả)	11	(15.922.387.366)	255.139.969
3.4	Tăng chi phí trả trước	12	91.665.607	135.389.154
3.5	Tiền lãi vay đã trả	13	(14.044.630.446)	(14.402.500.425)
3.6	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.504.359.642)	(1.012.102.318)
3.7	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
3.8	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(12.385.244.872)	(17.948.379.273)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.517.022.348	(12.346.890.352)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.043.252.694)	(1.479.152.758)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	261.900.000
7	Tiền thu lợi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.072.471.824	5.053.504.875
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.029.219.130	3.836.252.117
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đó phát hành	32	-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	129.909.172.455	155.895.578.968
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(141.159.530.496)	(126.355.297.464)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.687.436.140)	(4.861.148.435)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(15.937.794.181)	24.679.133.069
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(10.391.552.703)	16.168.494.834
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	54.238.325.113	58.772.344.181
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	43.846.772.410	74.940.839.015

Kế toán trưởng

Bùi Phước Quảng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần cơ điện Thủ Đức (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty cơ điện Thủ Đức Theo Quyết định số 1795/QĐ-BCN ngày 11 tháng 7 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301824508, đăng ký lần đầu ngày 02/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 03/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Theo đó:

Vốn điều lệ : 80.730.000.000 VND

(Bằng chữ: Tám mươi tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng chẵn)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

Công ty có trụ sở tại: Km 9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh:

- Chế tạo máy biến áp; Chế tạo phụ tùng cho các nhà máy điện, phụ kiện đường dây và trạm điện, tủ bảng điện các loại. Thí nghiệm và sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa, lắp đặt các tổ máy phát điện Diesel; Khai thác, xây dựng các công trình nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; Xây lắp các công trình điện công nghiệp, điện dân dụng đến cấp điện 220KV; Gia công cơ khí, sản xuất trụ điện thép và giá đỡ thiết bị đến 500KV; Sản xuất các loại cáp điện, dây điện từ; Kinh doanh và xuất khẩu máy biến áp, các phụ tùng, thiết bị điện và thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông; Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa; Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại TP. Hồ Chí Minh); Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho bãi; Kinh doanh bất động sản; Môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản (trừ tư vấn pháp lý).

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư sửa đổi, bổ sung kèm theo.
2. Tuyên bố tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Công ty tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn, hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị của các khoản này.

1.2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

- + Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được qui đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được phản ánh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- + Tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

- * Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

2.3. Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kê khai thường xuyên.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giá vật tư hàng hoá tồn kho bị giảm tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm căn cứ theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính

- Tài sản cố định ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình hoạt động tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

3.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 203/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc thiết bị	4 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 8 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư

Công ty không phát sinh Bất động sản đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

5.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn: Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"

Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

5.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Không phát sinh

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

- * Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- * Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:
 - Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

8. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:

8.1 Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8.2 Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

8.3 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm: được trích theo tỷ lệ 1 -> 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội theo hướng dẫn tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

9. Nguồn vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được cấp hoặc từ các chủ sở hữu góp vốn.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

10.1 Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

10.2 Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

13. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

- Tất cả các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu, chi phí được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được hạch toán như một khoản lãi (lỗ) về tỷ giá.
- Tài sản là tiền và công nợ có gốc bằng ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế do Ngân hàng nhà nước công bố tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**14.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- * Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- * Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;
- * Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm.

14.2 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- * Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- * Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.
Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

14.3 Các nghĩa vụ về thuế:

- * Thuế giá trị gia tăng: Công ty hàng tháng có lập tờ khai thuế đầu vào và thuế đầu ra theo đúng qui định. Khi kết thúc năm tài có lập các Báo cáo thuế Giá trị gia tăng theo qui định hiện hành.
- * Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- * Các loại thuế khác thực hiện theo qui định hiện hành.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: VND)

1. Tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	79.435.122	39.401.800
- Tiền gửi Ngân hàng	43.767.337.288	54.198.923.313
+ Tiền gửi Việt Nam đồng	11.567.337.288	3.898.923.313
+ Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng trở xuống)	32.200.000.000	50.300.000.000
Cộng	43.846.772.410	54.238.325.113
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (không có số liệu)		
3. Các khoản phải thu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3.1 Các khoản phải thu khách hàng	75.204.226.506	76.596.627.665
Công ty TNHH RKW lotus	-	112.054.800
Công ty CP nghiên cứu và thí nghiệm điện	140.000.000	-
Nhà máy Hoàng Lê An Giang	66.550.000	66.550.000
Ban quản lý dự án thủy điện 7	4.182.735.961	4.182.735.961
Công ty sản xuất xây dựng thương mại Tân Phúc Thịnh	3.826.793	3.826.793
Công ty liên doanh khu công nghiệp Việt Nam Singapore	94.986.740	94.986.740
Công ty CP điện sóng thần	1.332.058.454	1.532.158.454
Công ty TNHH XLD Sông Bé electric	369.851.250	-
Công ty Điện lực Bình Phước	24.988.073	-
Công ty Điện lực Bình Thuận	282.757.200	331.747.900
Công ty TNHH thương mại dịch vụ XLD Quốc Hùng	2.615.090.500	-
Triệu Trị Chiên	3.186.361	3.186.361
Công ty Cơ Điện Cần Thơ	148.168.150	218.168.150
Xí nghiệp dân dụng & CN CT	41.379.000	41.379.000
Công ty TNHH điện nước công nghiệp	263.829.655	263.829.655
Công ty Điện lực Đak Lak	-	796.580.000
Công ty XLD Long Vân - Đak lak	186.689.700	186.689.700
Công ty XLD Hưng Phúc Đak lak	1.554.361	1.554.361
Công ty TNHH Thanh Luân - Đak Lak	2.141.150	2.141.150
Công ty TNHH Lan Anh - Đak Lak	3.012.750	3.012.750
Công ty TNHH MTV điện lực Đồng Nai	1.405.414.000	1.405.414.000
Công ty TNHH Hoàng Thịnh	308.930.600	310.612.300
Ban quản lý dự án LĐ ĐL Đồng Nai	-	132.799.250
Công ty KT điện Đức Kiên	24.847.400	79.020.000
Công ty TNHH MTV điện lực Đà Nẵng	-	11.080.250.000
Công ty CP cơ điện Miền Trung	3.195.305.938	3.195.305.938
Công ty CP XLD Miền Trung	103.353.376	103.353.376
Ban quản lý dự án thủy điện 2	1.073.200.000	1.073.200.000
Ban quản lý dự án thủy điện 3	5.359.770.385	4.572.411.245
Công ty Điện lực Đồng Tháp	5.175.264.600	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

cho kỳ hoạt động

Điện thoại: 0822144648 - Fax: 083 8963591

từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Công ty TNHH XD Ván Dững - Đồng Tháp	161.486.400	161.486.400
Công ty XDĐ Liên Đạt	286.789.939	286.789.939
Công ty TNHH Đỗ Huỳnh	25.404.744	25.404.744
Công ty Điện lực Gia Lai	231.000.000	478.600.000
Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh	4.000.000	4.000.000
Tổng công ty điện lực Miền Nam TNHH	13.077.348.000	19.258.572.000
Ban quản lý dự án các CTĐ Miền Nam	78.561.114	78.561.114
Công ty XLD Nam Đông	102.341.000	102.341.000
Công ty XLD XD TM Miền Nam - TP Hồ Chí Minh	8.000.000	8.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Quyết Thắng	34.633.067	34.633.067
Công ty Xây dựng số 2	1.417.417.687	1.417.417.687
Công ty XDĐ TM Khánh Quyền - TP Hồ Chí Minh	93.415.000	93.415.000
Công ty điện kỹ thuật QMQ	513.310.000	513.310.000
Công ty TNHH Đông Hải MC	150.000.000	150.000.000
Lê Hòa Thái	6.000.000	6.000.000
Võ Văn Hai	25.000.000	25.000.000
Công ty Truyền tải điện 4	204.613.544	204.613.544
Công ty xây dựng số 16	7.445.800	7.445.800
Công ty XDD TM Bình Minh	64.000.000	64.000.000
Công ty CP TM & XDD Sài Gòn	35.000.050	35.000.050
Công ty TNHH XLĐTM Nam Phát	26.998.000	26.998.000
Công ty TNHH XDĐ Quang Huy	730.695.900	687.413.100
Công ty TNHH XDĐ TM Liên Phát	25.641.000	25.641.000
Công ty TNHH XDĐ TM Thanh Bình	20.277.700	20.277.700
Công ty TNHH Kim Hoàng Sơn	495.494.210	495.494.210
Công ty thương mại sản xuất dịch vụ XDĐ Hữu Toàn	85.000.000	85.000.000
Công ty TNHH TMXD điện Ngọc Lan	34.716.450	34.716.450
Công ty tin học XDĐ Nam Sài Gòn	20.337.812	20.337.812
Công ty CP đầu tư phát triển 304	495.403.186	495.403.186
Công ty XD TM Trần Vũ A.E.C	58.459.250	58.459.250
Đội xây lắp điện 5 - Công ty xây lắp điện 2	20.000.000	20.000.000
Công ty TNHH DVTM XDĐ Nhã Thư	185.252.250	185.252.250
Công ty XDĐ Tài Khoa T.A.CO	63.459.250	63.459.250
SAAG CONSOLIDATED BERHAD	442.161.327	513.312.308
Công Ty VINIPEARL	15.000.000	15.000.000
Công ty TNHH Hà Nguyễn	5.623.063	5.623.063
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế XDĐ TM EC&T	13.511.300	13.511.300
Công ty CP thiết bị điện Hoàng Lê Anh	2.288.017.900	1.988.911.200
Công ty TNHH XDĐ nước & thương mại Thịnh Cường	-	210.622.880
Công ty CP XDĐ Hoàng Thái Dương	2.771.343.720	2.163.342.000
Công ty TNHH TBD Tân Phú	1.828.101.000	1.388.119.700
Ban QLDA lưới điện - điện lực TP Hồ Chí Minh	691.632.500	691.632.500
Tổng công ty cấp nước Sài Gòn	18.250.000	18.250.000
Công ty CP TM DV Điện Tín Việt	9.432.600	16.432.600

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

cho kỳ hoạt động

Điện thoại: 0822144648 - Fax: 083 8963591

từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Công ty LD Cao thế Miền Nam	5.324.111.145	3.067.114.000
Công ty TNHH thép Việt Pháp	44.108.185	-
Công ty TNHH TM XDĐ Hữu Phát	233.282.500	360.763.200
Công ty điện lực Hậu Giang	1.875.111.700	-
Ban quản lý dự án LD - Công ty điện lực 1	931.946.802	931.946.802
Ban QL dự án LD Hà Nội - Tổng công ty điện lực Hà Nội	442.813.439	442.813.439
Xí nghiệp cao thế Miền Bắc	38.095.238	287.771.428
Ban quản lý dự án phát triển điện lực Công ty điện lực 1	-	1.039.500.000
Ban quản lý dự án thủy điện 1	5.491.636.944	2.358.421.531
Công ty điện lực Kiên Giang	4.336.097.900	43.464.183
Phan Việt Thiện	11.229.004	11.229.004
Công ty TNHH Huy Nam	1.542.605	1.542.605
Công ty điện lực Long An	884.585.900	-
Công ty TNHH Tân Thiên Long	1.645.440	1.645.440
Công ty điện lực Nam Định	294.483.333	294.483.333
Công ty điện lực Nghệ An	6.979.500	6.979.500
MAK THORN	129.494.306	34.241.232
Công ty điện lực Khánh Hòa	48.035.050	48.035.050
Công ty điện lực Quảng Nam	-	426.699.200
Công ty điện lực Quảng Ngãi	126.194.497	3.205.478.473
Công ty điện lực Sóc Trăng	-	1.347.515.400
Nguyễn Văn Liên	2.941.630	2.941.630
Công ty điện lực Tây Ninh	1.525.137.801	-
Công ty điện lực Trà Vinh	-	517.987.800
Ông Sáu Bạch	9.248.000	9.248.000
Hợp tác xã Trà Cú	15.488.000	15.488.000
Chi Nhánh điện Vinh	3.010.212	3.010.212
Công ty TNHH XD Miền Nam Vĩnh Long	122.690.105	122.690.105
Công ty TNHH Thành Tín	1.206.110	1.206.110
Công ty TNHH Kim Long	3.527.100	3.527.100
Công ty TNHH Hoàng Dũng	20.116.900	20.116.900
3.2 Các khoản trả trước cho người bán	2.664.353.191	1.250.129.715
Điện Công nghiệp Thành Vinh	75.505.125	19.555.125
Công ty TNHH Huỳnh Quốc Hùng	180.880.000	180.880.000
Nhà cung cấp - P.Hợp tác Quốc Tế	-	47.192.000
Công ty TNHH Mỹ Phương	93.746.400	-
CôngTy FAXOLIF-SINGAPORE	36.932.839	-
Công ty JINDAL AN DO	198.075.000	-
Trung tâm tư vấn & phát triển điện	38.703.322	38.703.322
Chi nhánh CTY CP Lắp máy & XD Điện-HN	38.841.000	-
Công Ty điện lực Thủ Đức	596.749.137	-
Công ty cấp nước Sài Gòn	12.070.400	-
Cơ Sở Việt Thành	69.300.000	69.300.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

cho kỳ hoạt động

Điện thoại: 0822144648 - Fax: 083 8963591

từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Công ty chứng khoán Công Thương	15.000.000	15.000.000
CTY TNHH kiểm toán và tư vấn	-	47.500.000
Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	15.000.000	15.000.000
HTX sửa chữa & ô tô cơ giới Bình Minh	36.000.000	-
Công ty TNHH XD TM DV Lê Nam	7.000.000	-
Công ty Welmech Ấn Độ	319.053.700	-
Cơ sở Trần Công Thành	38.600.000	38.600.000
Công ty TNHH XD TM DV Lê Nam	14.000.000	-
Công ty CNME Trung Quốc	100.497.000	-
Cơ sở Trần Công Thành	127.000.000	127.000.000
Cơ sở Trần Công Thành	160.000.000	160.000.000
Cơ sở Trần Công Thành	240.000.000	240.000.000
Công ty TNHH Địa Long	30.000.000	30.000.000
Trung tâm tư vấn & phát triển điện	221.399.268	221.399.268
3.3 Phải thu nội bộ	-	-
3.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác	11.715.056.962	6.429.748.887
Phải thu về chi phí cổ phần hoá	74.599.753	74.599.753
Phải thu tiền CNV bồi thường thiệt hại	-	75.550
Phải thu tiền đền bù giải toả nhà số 8 Hàm Tử Quận 5	3.997.229.400	3.997.229.400
Phải thu tiền lương CNV giai đoạn trước 31.12.06	823.282.327	823.282.327
Phải thu tiền BHXH công ty nộp thay CNV	28.864.369	28.864.369
Phải thu đất Long Thành -Đồng Nai Cty Hoa Đăng trả n	707.560.000	707.560.000
Giá đỡ xe đạp triển lãm	314.121	314.121
Giá đỡ xe đạp M3001/04.06 - KCN Đồng Nai	8.000.000	8.000.000
Phải thu bán cổ phần NH An Bình (đợt 2) - Bà Liên	-	477.000
Phải thu cổ tức NH An Bình (đợt 1) năm 2011	-	544.250.000
Phải thu thuế TNCN theo quý 1/2012	15.673.812	-
Thuế TNCN năm 2011	6.225.236	38.440.811
Phải thu BHXH	27.906.734	-
Phải thu BHTN	6.584.438	-
Phải thu lương - CNV	6.018.816.772	-
Phải thu khác	-	206.655.556
3.5 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	(5.860.649.009)	(5.860.649.009)
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	(387.622.702)	(387.622.702)
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(731.185.054)	(731.185.054)
Dự phòng cho các khoản phải quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(24.277.820)	(24.277.820)
Dự phòng cho các khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên	(855.620.735)	(855.620.735)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(3.861.942.698)	(3.861.942.698)
Tổng cộng	83.722.987.650	78.415.857.258

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

4. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Hàng tồn kho</i>		
- Hàng mua đang đi đường	-	1.128.132.218
- Nguyên liệu, vật liệu	55.764.177.536	64.726.506.093
- Công cụ, dụng cụ	1.359.000	
- Chi phí SX, KD dở dang	32.403.750.337	44.110.609.989
- Thành phẩm	35.546.706.263	42.940.061.619
- Hàng hoá	-	-
- Hàng gửi đi bán	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	123.715.993.136	152.905.309.919
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	123.715.993.136	152.905.309.919

* Giá trị của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả:

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:

* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK.

5 Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
5.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	158.216.501	236.923.673
Chi phí trả trước ngắn hạn	158.216.501	236.923.673
5.2 Thuế GTGT được khấu trừ	12.037.323	2.729.161
Thuế GTGT được khấu trừ	12.037.323	2.729.161
5.3 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	40.071.362	40.071.362
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	40.071.362	40.071.362
5.4 Tài sản ngắn hạn khác	32.739.059.768	33.093.297.153
Tài sản ngắn hạn khác	32.739.059.768	33.093.297.153
Tổng cộng	32.949.384.954	33.373.021.349

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định						
Số dư đầu năm	17.969.036.888	54.912.219.527	13.540.179.169	1.709.307.336	472.073.087	88.602.816.007
- Mua trong năm				15.620.000		15.620.000
- XDCB hoàn thành	244.269.596				-	244.269.596
- Tăng khác						-
- Chuyển sang BĐS đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	18.213.306.484	54.912.219.527	13.540.179.169	1.724.927.336	472.073.087	88.862.705.603
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	8.983.158.582	34.840.469.640	10.343.452.384	1.609.438.614	338.598.320	56.115.117.540
- Khấu hao trong năm	252.242.822	1.936.012.264	445.773.093	34.471.699	20.451.293	2.688.951.171
- Tăng khác						-
- Chuyển sang BĐS đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	9.235.401.404	36.776.481.904	10.789.225.477	1.643.910.313	359.049.613	58.804.068.711
Giá trị còn lại của TSCĐ						
- Tại ngày đầu năm	8.985.878.306	20.071.749.887	3.196.726.785	99.868.722	133.474.767	32.487.698.467
- Tại ngày cuối năm	8.977.905.080	18.135.737.623	2.750.953.692	81.017.023	113.023.474	30.058.636.892

Công ty Cổ phần cơ điện Thủ Đức

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0822144648 - Fax: 083 8963591

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

7. Chi phí XDCB dở dang:		Số cuối kỳ		Số đầu năm	
- Tổng số chi phí XDCB dở dang		1.517.648.732		1.477.895.298	
Mua sắm TSCĐ		34.300.000		-	
Xây dựng cơ bản dở dang		1.469.712.368		1.477.895.298	
Sửa chữa lớn TSCĐ		13.636.364			
Cộng		1.517.648.732		1.477.895.298	
8. Đầu tư tài chính dài hạn		Số cuối năm		Số đầu năm	
		Số lượng (CP)	Giá trị (đồng)	Số lượng (CP)	Giá trị (đồng)
a Đầu tư vào công ty con					
b Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết					
c - Đầu tư dài hạn khác		1.118.500	10.089.265.685	1.118.500	10.089.265.685
- Đầu tư cổ phiếu					
Ngân hàng TM CP An Bình		1.088.500	9.789.265.685	1.088.500	9.789.265.685
Công ty CP ĐT TM DV điện lực		30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn			(2.641.086.185)		(2.641.086.185)
Cộng		1.118.500	7.448.179.500	1.118.500	7.448.179.500
9. Chi phí trả trước dài hạn		Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Chi phí trả trước dài hạn (Chờ phân bổ)		580.463.207		593.421.642	
Cộng		580.463.207		593.421.642	
10. Tài sản dài hạn khác		Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Ký quỹ, ký cược dài hạn		87.900.000		87.900.000	
Cộng		87.900.000		87.900.000	
11. Vay và nợ ngắn hạn		Số cuối kỳ		Số đầu năm	
a. Vay ngắn hạn		166.667.213.830		177.887.851.426	
Ngân hàng TMCP á Châu - Chi nhánh Tân Bình (i)		19.325.003.405		29.304.473.218	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Phòng giao dịch Đầm Sen(ii)				550.000.000	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn(iii)		49.117.446.472		49.993.432.619	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức(iv)		39.999.744.944		49.994.570.003	
Ngân hàng TMCP An Bình (v)		8.711.243.362			
Ngân hàng TMCP Đại á - Phòng giao dịch Nguyễn Thị Định(vi)		25.235.105.563		19.959.392.065	
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch I(vii)		10.858.333.108		12.288.612.017	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thủ Đức(viii)		13.420.336.976		15.797.371.504	
b. Nợ dài hạn đến hạn trả					
Cộng		166.667.213.830		177.887.851.426	

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Tân Bình để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được bảo đảm bằng tín chấp dựa trên hàng tồn kho bình quân để tại kho của công ty với trị giá 64.000.000.000 VND.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín - Phòng giao dịch Đầm Sen để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được bảo đảm bằng tín chấp dựa trên hàng tồn kho và các khoản phải thu tại công ty

(iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định tại công ty.

(iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được bảo đảm bằng tín chấp dựa trên số dư tài khoản tiền gửi, hàng tồn kho, các khoản phải thu tại công ty và thế chấp tài sản cố định cũng như cổ phiếu tại Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình do công ty nắm giữ

(v) Khoản vay Ngân hàng thương mại Cổ phần An Bình để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng các biện pháp: Thực hiện ký quỹ tại ABBANK, thế chấp hàng tồn kho và nợ phải thu của bên được cấp hạn mức hoặc bên thứ ba đảm bảo tài sản.

(vi) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Á - Phòng giao dịch Nguyễn Thị Định để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được bảo đảm bằng hàng tồn kho luân chuyển trị giá 60.000.000.000 VND hoặc số dư tiền gửi tối thiểu tại Ngân hàng Đại Á.

(vii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - sở giao dịch 1 để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được bảo đảm bằng tín chấp

(viii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Thủ Đức để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho của công ty.

12. Phải trả người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Ngô Han	4.725.460.368	7.728.644.440
Công ty XNK SP Cơ Khí(MECANIMEX)	85.512.815	85.512.815
Công ty Đại Phú	-	56.595.000
Công ty Điện Hóa	-	6.270.000
Công ty Sứ KT Hoàng Liên Sơn	2.003.560.810	974.208.320
Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn - Công ty Petrolimex	-	343.610.870
Công ty Huy Thiện	1.421.984.599	2.105.234.803
Công ty TNHH TM Đức Biên	48.680.467	273.102.809
Trung tâm thí nghiệm điện	123.487.023	-
Công ty Lưới điện cao thế Miền Nam	140.250.000	-
Công ty CP cơ Khí điện lực	1.000.351.328	1.000.351.328
Công ty Hoa Nam Việt	-	64.251.440
Công ty TNHH Ngọc Tư	573.283.700	520.146.000
Công ty Bạch Tuyết	163.203.519	-
Công ty VHP- Hà Nội	34.743.000	34.743.000
Công ty TNHH JFE SHOJI Việt Nam	14.045.011.057	19.719.369.085
Công ty TNHH CK Đại Đồng	1.480.052.251	1.480.052.251
Công ty sứ Minh Long	203.874.894	203.874.894
Xí nghiệp hơi kỹ nghệ Biên Hòa	30.611.350	47.791.590
Công ty quy chế II	-	73.280.924
Công ty kho vận Miền Nam	-	29.458.300
Công ty Đức Phát	279.511.189	279.511.189
Công ty S-T-D	32.821.569	32.821.569

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần cơ điện Thủ Đức**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

cho kỳ hoạt động

Điện thoại: 0822144648 - Fax: 083 8963591

từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Công ty TNHH cơ khí Nam Việt	869.459.177	2.548.535.574
Công ty TNHH CNTM Sông Hồng	2.200.470.052	2.200.470.052
Công ty TNHH TM DV Mỹ Anh	789.465.600	-
Công ty TNHH SX TM DV Nghi Quân	53.103.202	169.858.920
Công ty TNHH cầu trục CN AQA	73.814.200	73.814.200
Công ty CP PT Phụ Gia & SP dầu mỏ	-	76.422.480
Cơ sở Dư Mỹ Hà	9.281.000	13.698.000
Cơ sở Lâm Sơn	20.100.000	26.270.000
Doanh nghiệp tư nhân CK LM Hoàng Bảo Thy	13.200.000	27.181.000
Công ty TNHH MTV CK XD Megastar	67.871.764	1.007.007.765
Công ty TNHH máy thiết bị CN Huỳnh Hiền	19.230.200	48.910.400
Công ty dây cáp điện Việt Nam	-	16.209.080
Công ty TNHH SX TM DV nước & điện Gia Phú	-	20.267.500
Công ty TNHH TM & DV Quốc Huy	716.100.000	-
Công ty TNHH MTV VLD & DC Cơ Khí	3.177.052.200	3.283.112.300
Công ty TNHH Pakerzing	86.423.458	86.423.458
Công ty TNHH TM KT Quốc tế	27.797.000	83.391.000
Công ty TNHH Lê Ban	-	62.079.258
Ban quản lý dự án thép Kỹ thuật điện	15.550.400	6.214.400
Công ty Bách Hóa II	3.300.000	-
Các Nhà cung cấp\biến thế 1	42.867.000	42.646.000
Các Nhà cung cấp\biến thế 2	-	17.798.198
Các Nhà cung cấp\biến thế 3	1.814.000	5.220.000
Phân xưởng Cơ Điện	88.826.303	235.642.904
Các Nhà cung cấp\cơ khí 1	22.731.270	9.513.000
Các Nhà cung cấp\cơ khí,2	9.333.000	3.916.000
Nhà cung cấp - Kha phòng vật tư	-	10.962.000
Nhà cung cấp - phòng kỹ thuật	74.793.000	13.297.400
Công ty TNHH Lâm Cường	-	235.128.069
Phân xưởng vận tải	13.003.000	40.972.000
Nhà cung cấp - Phân xưởng dịch vụ	-	3.659.700
Nhà cung cấp Nhân - Phòng Vật Tư	65.835.115	181.009.176
Các nhà cung cấp\ô tô (tổ lái xe)	15.157.468	45.062.330
Các nhà cung cấp\Song phòng vật tư	2.391.262.968	3.128.053.610
Các nhà cung cấp\Tiền phòng vật tư	30.016.000	-
Các nhà cung cấp\ văn phòng công ty	20.819.281	68.426.020
Khách hàng Thảo Phòng vật tư	15.991.997	27.376.953
Phân xưởng Thủy Công	1.629.000	2.005.000
Nhà cung cấp\Đoàn thanh niên	3.560.000	38.868.574
Khách hàng\Phòng vật tư	18.350.000	18.350.000
Khách hàng Xuân Văn Phòng công ty	27.192.000	38.350.286
Công ty Tam Sơn	-	193.000.000
Công Ty WHOLE SHINE	-	66.649.600
Công ty may kéo dây đồng	94.875.000	94.875.000
Doanh nghiệp tư nhân vận tải Khoa Phát	-	7.500.000
Công ty CP Vận tải Đa Phương Thức	248.368.002	248.368.002
Trung tâm thí nghiệm điện	909.486.293	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần cơ điện Thủ Đức**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

cho kỳ hoạt động

Điện thoại: 0822144648 - Fax: 083 8963591

từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

HTX Tân Hiệp Phú	7.500.000	-
Công Ty Kiểm toán và kế toán Hà Nội	49.750.000	49.750.000
Công ty TNHH VT DV-GN Đạt Phong	23.000.000	-
Công ty TNHH TM - DV Tâm Mỹ	20.600.000	16.800.000
Công Ty TNHH Kim Tiến Dũng	227.247.919	227.247.919
Công ty TNHH MTV TM-DV VT Thanh Dũng	-	6.900.000
Công ty TNHH TM DV VT Chí Tư	28.000.000	-
Công Ty TNHH CKTM DV Minh Thành Trung	-	83.011.664
Công Ty CP TV xây dựng điện 1	1.412.369.366	1.312.874.700
Doanh nghiệp tư nhân Duy Nguyên	-	144.000.000
Công ty TNHH TM DV VT Thiên Đạt	10.000	17.910.000
Công ty TNHH ĐT TM DV XNK Minh Nguyên	470.000.000	682.000.000
Trung tâm lý hành cuộc sống Việt	17.169.000	-
Công ty TNHH MTV Hồng Hải Bình	29.000.000	-
Công ty TNHH XD TM DV Lê Nam	15.000.000	187.395.188
Công ty Minh Hải	-	4.362.600
Công ty TNHH Phú Thuận Thành	18.972.800	18.972.800
Công ty Vĩnh Phong	-	23.980.000
Công ty CN Chính Xác	58.530.000	58.530.000
Cộng	41.007.677.974	52.419.080.707

13. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Tập đoàn Tân Mai	230.449.400	230.449.400
PX Phát điện Phú Quốc	66.000.000	66.000.000
Công ty TNHH XD Mê Kông	50.000.000	-
Công ty CP DV CGCN Và TM Bảo Long	500.000.000	-
Trường THCS Quốc Tế Canada	127.587.240	-
Công ty TNHH Việt Phương	616.388	616.388
Công ty TNHH Khang Phú	4.206.375	4.206.375
Công ty TNHH Lạc Thành	3.031.600	-
Trung tâm TN Điện	31.886.700	2.327.814.008
Công TY TNHH XDD TM Hiệp Lực	34.710.099	34.710.099
Công ty TNHH Tân Thành An	50.687.340	50.687.340
Công ty TNHH G Thông An Bình	-	150.000.000
CTY TNHH thép Việt Pháp	-	264.649.110
Công ty TNHH D Trường Giang	-	295.380.000
Công ty Cơ Khí Điện lực	14.480.360.000	14.480.360.000
Cộng	15.579.535.142	17.904.872.720

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế Giá trị gia tăng phải nộp	-	1.613.243.389
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	443.942.066	2.319.635.845
- Thuế Thu nhập cá nhân	500.000	38.440.811
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	148.115.736	-
- Các loại thuế khác	19.877.756	17.946.906
Cộng	612.435.558	3.989.266.951

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần cơ điện Thủ Đức

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0822144648 - Fax: 083 8963591

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

	Số cuối năm	Số đầu năm
15. Phải trả công nhân viên		
Phải trả công nhân viên	-	1.084.652.956
Cộng	-	1.084.652.956
16. Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất các máy biến áp lực	-	671.366.597
Chi phí vận chuyển máy biến thế	-	268.181.818
Chi phí lãi vay	-	486.802.331
Cộng	-	1.426.350.746
17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
* Kinh phí công đoàn	184.209.593	73.503.138
* Bảo hiểm xã hội,	238.542.010	260.259.412
* Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.000.000	9.000.000
* Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.221.116.640	7.546.563.908
Cổ tức lợi nhuận phải trả	7.378.247.440	2.786.930.580
Quỹ hỗ trợ sắp xếp và CPH Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	-	1.533.206.638
Phải trả NS Nhà nước khoản đầu tư TSCĐ	1.435.461.000	1.435.461.000
Phải trả lãi vay Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	580.708.333	580.708.333
Các khoản phải trả, phải nộp khác	826.699.867	1.210.257.357
Cộng	10.652.868.243	7.889.326.458
18. Dự phòng phải trả ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.839.001.168	2.656.325.869
Cộng	2.839.001.168	2.656.325.869
19. Quỹ khen thưởng phúc lợi	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.453.202.956	701.000.456
Cộng	1.453.202.956	701.000.456
20. Vay và nợ dài hạn:	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Vay dài hạn	281.751.000	340.863.000
Vay dài hạn (i)	281.751.000	340.863.000
b. Nợ dài hạn	-	-
Cộng	281.751.000	340.863.000
(i) Khoản vay dài hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hồ Chí Minh để mua sắm TSCĐ với lãi suất 22%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.		
21. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	133.976.704	381.730.593
Cộng	133.976.704	381.730.593
22. Dự phòng phải trả dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng phải trả dài hạn	-	1.269.032.212
Cộng	-	1.269.032.212

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

23. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu

A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	80.730.000.000	-	(24.212.330)	-	609.721.932	10.296.989.869	91.612.499.471
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	11.195.113.404	11.195.113.404
- Tăng khác	-	-	24.212.330	-	511.317.867	-	535.530.197
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	47.531.288	-	-	10.226.357.332	10.273.888.620
							-
2. Số dư cuối năm trước	80.730.000.000	-	(47.531.288)	-	1.121.039.799	11.265.745.941	93.069.254.452
1. Số dư đầu năm nay	80.730.000.000	-	(47.531.288)	-	1.121.039.799	11.265.745.941	93.069.254.452
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	1.859.468.166	1.859.468.166
- Tăng khác	-	-	47.531.288	-	559.755.670	-	607.286.958
- Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	10.843.705.670	10.843.705.670
							-
2. Số dư cuối năm nay	80.730.000.000	-	-	-	1.680.795.469	2.281.508.437	84.692.303.906

Công ty Cổ phần cơ điện Thủ Đức

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0822144648 - Fax: 083 8963591

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	45.952.220.000	45.952.220.000
Các cổ đông khác	34.777.780.000	34.777.780.000
Cộng	80.730.000.000	80.730.000.000

* Số lượng cổ phiếu quỹ:

C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu:

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	80.730.000.000	80.730.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	80.730.000.000	80.730.000.000

D. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.073.000	8.073.000
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	8.073.000	8.073.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.073.000</i>	<i>8.073.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.073.000	8.073.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.073.000</i>	<i>8.073.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ 1 Cổ phiếu

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: VND)

24. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
	152.851.288.048	164.665.677.879
+ Doanh thu bán hàng	152.386.716.097	164.665.677.879
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	464.571.951	-
25. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
26. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	152.851.288.048	164.665.677.879
27. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm đã bán	130.251.750.439	144.606.750.641
Giá vốn hàng hoá đã bán	337.139.282	150.943.286
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	-
Cộng	130.588.889.721	144.757.693.927

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần cơ điện Thủ Đức

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0822144648 - Fax: 083 8963591

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

	Năm nay	Năm trước
28. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	4.072.471.824	4.998.016.210
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	26.989.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	78.068.692	91.321.128
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.145.975.000
Cộng	4.150.540.516	6.262.301.338
29. Chi phí hoạt động tài chính		
Lãi tiền vay	14.044.620.446	14.402.500.425
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		39.198.600
Lỗ chênh lệch tỷ giá	376.024.584	1.272.076.193
Cộng	14.420.645.030	15.713.775.218
30. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên quản lý	238.580.794	239.668.444
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.790.980	12.454.471
Chi phí dịch vụ mua ngoài	187.413.986	181.583.821
Chi phí bằng tiền khác	3.751.298.938	4.851.051.575
Chi phí bảo hành	-	(2.588.983.609)
Cộng	4.189.084.698	2.695.774.702
31. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	1.879.297.479	1.798.599.473
Chi phí khấu hao tài sản cố định	356.597.619	348.941.797
Thuế, phí, lệ phí	386.289.816	238.174.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	138.976.278	180.119.596
Chi phí bằng tiền khác	2.397.531.379	3.285.752.233
Chi phí dự phòng	-	315.331.752
Cộng	5.158.692.571	6.166.918.931
32. Thu nhập khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Thu nhập khác	323.424.311	2.244.790.752
Cộng	323.424.311	2.244.790.752
33. Chi phí khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí khác	479.806.826	1.742.722.251
Cộng	479.806.826	1.742.722.251

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần cơ điện Thủ Đức

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0822144648 - Fax: 083 8963591

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

34. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	628.665.863	524.909.411
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	628.665.863	524.909.411
35. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	89.204.424.478	101.670.342.344
Chi phí nhân công	14.122.545.463	12.341.636.664
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.688.951.171	3.542.046.077
Chi phí dịch vụ mua ngoài	264.919.088	308.167.541
Chi phí bằng tiền khác	13.271.872.594	15.056.909.789
Cộng	119.552.712.794	132.919.102.415

VII. Những thông tin khác**1. Công cụ tài chính:****1.1 Quản lý rủi ro vốn:**

Công ty thực hiện việc quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần, trừ đi cổ phiếu quỹ.

Tài sản tài chính:

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền và các khoản tương đương tiền	11.646.772.410	11.646.772.410
- Tương đương tiền	32.200.000.000	32.200.000.000
- Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	89.583.636.659	83.722.987.650

1.2 Công nợ tài chính:

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả cho người bán và khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Số dư ngày 30/06/2012

- Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn:	166.948.964.830
- Phải trả người bán:	41.007.677.974

1.3 Quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần cơ điện Thủ Đức**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

cho kỳ hoạt động

Điện thoại: 0822144648 - Fax: 083 8963591

từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua bán từ một số lượng lớn các nhà cung cấp phân bố ở các nước và khu vực khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hóa

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của công ty tại ngày 30/06/2012:

Đối tượng	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	41.007.677.974	-	41.007.677.974
Vay ngắn hạn	166.667.213.830	-	166.667.213.830
Vay dài hạn		281.751.000	281.751.000

1.4 Tài sản đảm bảo

Trong kỳ Công ty có dùng một số tài sản để thế chấp vốn ngân hàng, cụ thể như sau:

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Tân Bình để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được bảo đảm bằng tín chấp dựa trên hàng tồn kho bình quân để tại kho của công ty với trị giá 64.000.000.000 vnd.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín - Phòng giao dịch Đầm Sen để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được bảo đảm bằng tín chấp dựa trên hàng tồn kho và các khoản phải thu tại công ty.

(iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định tại công ty.

(iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được bảo đảm bằng tín chấp dựa trên số dư tài khoản tiền gửi, hàng tồn kho, các khoản phải thu tại công ty và thế chấp tài sản cố định cũng như cổ phiếu tại Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình do công ty nắm giữ

(v) Khoản vay Ngân hàng thương mại Cổ phần An Bình để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng các biện pháp: Thực hiện ký quỹ tại ABBANK, thế chấp hàng tồn kho và nợ phải thu của bên được cấp hạn mức hoặc bên thứ ba đảm bảo tài sản.

(vi) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Á - Phòng giao dịch Nguyễn Thị Định để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được bảo đảm bằng hàng tồn kho luân chuyển trị giá 60.000.000.000 vnd hoặc số dư tiền gửi tối thiểu tại Ngân hàng Đại Á.

(vii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Thủ Đức để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho của công ty.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần cơ điện Thủ Đức

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0822144648 - Fax: 083 8963591

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

2. Thông tin về các bên liên quan**2.1 Giao dịch phát sinh với Công ty mẹ và các Công ty con trong cùng hệ thống**

	Quan hệ với Công ty	Kỳ này	Kỳ trước
- Bán hàng hóa, dịch vụ		120.359.357.524	115.219.728.661
Công ty điện lực An Giang	Công ty con cùng hệ thống	-	11.111.947.651
Công ty điện lực Bạc Liêu	Công ty con cùng hệ thống	-	613.404.000
Công ty điện lực Bình Phước	Công ty con cùng hệ thống	4.816.924.920	3.573.466.830
Công ty điện lực Bình Thuận	Công ty con cùng hệ thống	427.672.000	2.363.749.000
Công ty điện lực Bến Tre	Công ty con cùng hệ thống	-	-
Công ty điện lực Đà Nẵng	Công ty con cùng hệ thống	100.000.000	3.080.000.000
Công ty điện lực 2	Công ty con cùng hệ thống	81.903.152.727	68.854.612.550
Công ty điện lực Long An	Công ty con cùng hệ thống	804.169.000	315.166.800
Công ty điện lực Quảng Nam	Công ty con cùng hệ thống	32.795.000	1.367.000.000
Công ty điện lực Quảng Ngãi	Công ty con cùng hệ thống	-	3.610.542.000
Công ty điện lực Sóc Trăng	Công ty con cùng hệ thống	-	4.279.899.000
Công ty điện lực Tiền Giang	Công ty con cùng hệ thống	321.809.000	42.677.000
Công ty điện lực Tây Ninh	Công ty con cùng hệ thống	10.844.975.097	13.708.693.830
Công ty điện lực Thừa Thiên Huế	Công ty con cùng hệ thống	-	1.501.000.000
Công ty điện lực Vĩnh Long	Công ty con cùng hệ thống	-	797.570.000
Ban quản lý Dự án thủy điện 3	Công ty con cùng hệ thống	1.255.000.000	-
Công ty điện lực Đồng Tháp	Công ty con cùng hệ thống	4.704.786.000	-
Công ty LD cao thế Miền Nam	Công ty con cùng hệ thống	4.922.828.314	-
Công ty điện lực Hậu Giang	Công ty con cùng hệ thống	1.704.647.000	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần cơ điện Thủ Đức

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0822144648 - Fax: 083 8963591

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Ban QLDA thủy điện1	Công ty con cùng hệ thống	4.509.357.648	-
Công ty điện lực Kiên Giang	Công ty con cùng hệ thống	4.011.240.818	-
- Mua hàng hoá, dịch vụ		-	-
2.2 Công nợ với Công ty mẹ và các Công ty con trong cùng hệ thống	Quan hệ với Công ty	Số cuối năm	Số đầu năm
* Các khoản phải thu		54.897.210.179	59.918.075.284
Công ty CP cơ khí điện lực	Công ty con cùng hệ thống	-	1.000.351.328
Ban quản lý Dự án thủy điện 7	Công ty con cùng hệ thống	4.182.735.961	4.182.735.961
Công ty điện lực Bình Phước	Công ty con cùng hệ thống	24.988.073	-
Công ty điện lực Bình Thuận	Công ty con cùng hệ thống	282.757.200	331.747.900
Công ty điện lực Đak Lak	Công ty con cùng hệ thống	-	796.580.000
Công ty điện lực Đồng Nai	Công ty con cùng hệ thống	1.405.414.000	1.405.414.000
Công ty điện lực Đà Nẵng	Công ty con cùng hệ thống	-	11.080.250.000
Công ty CP cơ điện Miền Trung	Công ty con cùng hệ thống	3.195.305.938	3.195.305.938
Ban quản lý Dự án thủy điện 2	Công ty con cùng hệ thống	1.073.200.000	1.073.200.000
Ban quản lý Dự án thủy điện 3	Công ty con cùng hệ thống	5.359.770.385	4.572.411.245
Điện lực Đồng Tháp	Công ty con cùng hệ thống	5.175.264.600	-
Công ty điện lực Gia Lai	Công ty con cùng hệ thống	231.000.000	478.600.000
Công ty điện lực TP. HCM	Công ty con cùng hệ thống	4.000.000	4.000.000
Tổng Công ty điện lực Miền Nam TN]	Công ty con cùng hệ thống	13.077.348.000	19.258.572.000
Ban quản lý các dự án CTD Miền Nam	Công ty con cùng hệ thống	5.324.111.145	3.067.114.000
Công ty điện lực Hậu Giang	Công ty con cùng hệ thống	1.875.111.700	-
Ban QL các dự án Công ty điện lực 1	Công ty con cùng hệ thống	931.946.802	931.946.802

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần cơ điện Thủ Đức

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0822144648 - Fax: 083 8963591

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Xí nghiệp cao thế Miền Bắc	Công ty con cùng hệ thống	38.095.238	287.771.428
Ban quản lý Dự án thủy điện 1	Công ty con cùng hệ thống	5.491.636.944	2.358.421.531
Công ty điện lực Kiên Giang	Công ty con cùng hệ thống	4.336.097.900	43.464.183
Công ty điện lực Long An	Công ty con cùng hệ thống	884.585.900	-
Công ty điện lực Nam Định	Công ty con cùng hệ thống	294.483.333	294.483.333
Công ty điện lực Nghệ An	Công ty con cùng hệ thống	6.979.500	6.979.500
Công ty điện lực Khánh Hòa	Công ty con cùng hệ thống	48.035.050	48.035.050
Công ty điện lực Quảng Nam	Công ty con cùng hệ thống	-	426.699.200
Công ty điện lực Quảng Ngãi	Công ty con cùng hệ thống	126.194.497	3.205.478.473
Công ty điện lực Sóc Trăng	Công ty con cùng hệ thống	-	1.347.515.400
Công ty điện lực Tây Ninh	Công ty con cùng hệ thống	1.525.137.801	-
Công ty điện lực Trà Vinh	Công ty con cùng hệ thống	-	517.987.800
Chi nhánh điện Vinh	Công ty con cùng hệ thống	3.010.212	3.010.212
* Các khoản phải trả		23.289.829.699	22.734.963.679
Công ty thí nghiệm điện Miền Nam	Công ty con cùng hệ thống	31.886.700	2.327.814.008
Công ty CP tư vấn xây dựng điện 1	Công ty con cùng hệ thống	1.412.369.366	1.312.874.700
Công ty cổ phần cơ khí điện lực	Công ty con cùng hệ thống	14.480.360.000	14.480.360.000
Tập đoàn điện lực Việt Nam			
Phải trả cổ tức	Công ty mẹ	6.784.505.300	2.500.000.000
Phải trả về quỹ hỗ trợ và sắp xếp CPH	Công ty mẹ	-	1.533.206.638
Lãi vay phải trả	Công ty mẹ	580.708.333	580.708.333

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 do công ty lập.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính tiếp theo.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần cơ điện Thủ Đức

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0822144648 - Fax: 083 8963591

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

5. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2012

Kế toán trưởng

Giám đốc

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính

Số chứng thực 27057
Tại P.Bình Thọ, Ngày 13/08/2012

Bùi Phước Quảng

PHÓ CHỦ TỊCH UBND.

Võ Văn Biên



Huỳnh Kim Thiện Nhân

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)